

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT VIỆT – ĐỨC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP
MÃ NGHỀ: 5810404
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

*(Kèm theo Quyết định số: 331/QĐ-CDKTVĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Việt-Đức Hà Tĩnh*

Hà Tĩnh năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 331/QĐ-CDKTVĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Việt-Đức Hà Tĩnh)

Tên ngành, nghề: Chăm sóc sắc đẹp

Mã ngành, nghề: 5810404

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

- Giới thiệu chương trình đào tạo hệ trung cấp nghề Chăm sóc Sắc đẹp

Chương trình đào tạo trung cấp nghề Chăm sóc Sắc đẹp được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực làm đẹp. Với mục tiêu trang bị cho học viên những hiểu biết sâu sắc về chăm sóc sắc đẹp, chương trình đào tạo bao gồm các nội dung cơ bản và nâng cao về chăm sóc da, làm móng, trang điểm, giúp học viên có thể tự tin hành nghề trong ngành công nghiệp làm đẹp đang phát triển mạnh mẽ.

- Mô tả ngành, nghề đào tạo

Nghề Chăm sóc Sắc đẹp được chia thành các môn học và kỹ năng thực hành chính và môn học hỗ trợ trong nghề cụ thể, bao gồm:

+ Chăm sóc da: Học viên sẽ được học cách nhận diện các loại da, các phương pháp chăm sóc da cơ bản và nâng cao, sử dụng các sản phẩm dưỡng da phù hợp, cũng như các kỹ thuật massage da mặt và trị liệu da chuyên sâu.

+ Làm móng (Nail Art): Chương trình đào tạo làm móng giúp học viên nắm vững các kỹ thuật làm móng cơ bản như cắt tỉa, vẽ móng nghệ thuật, chăm sóc móng tay, móng chân, và sử dụng các sản phẩm sơn móng chuyên dụng. Học viên cũng sẽ được học về cách vệ sinh và bảo quản dụng cụ làm móng.

+ Trang điểm (Makeup): Học viên sẽ được học các kỹ thuật trang điểm cho từng loại hình khách hàng, từ trang điểm cơ bản đến trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu và trang điểm theo xu hướng thời trang. Chương trình cũng đề cập đến việc lựa chọn mỹ phẩm phù hợp với từng loại da và phong cách trang điểm khác nhau.

+ Ngoài ra một số môn học hỗ trợ và bổ trợ thêm một số nội dung, kiến thức trong nghề làm đẹp như: Gội đầu dưỡng sinh; biết gội đầu, massage và bấm huyệt tạo cảm giác thư giãn cho khách hàng; sử dụng được tiếng Hàn và tiếng Anh để đọc và phân biệt được các loại mỹ phẩm có xuất xứ từ nước ngoài.

Cơ hội nghề nghiệp

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, học viên có thể làm việc tại các spa, salon làm đẹp, hoặc tự mở dịch vụ chăm sóc sắc đẹp. Các kỹ năng được trang bị sẽ

giúp học viên đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong lĩnh vực làm đẹp, đồng thời mở ra nhiều cơ hội thăng tiến trong ngành hoặc học nâng cao lên bậc cao đẳng, đại học.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo cho người học các kiến thức về nghề chăm sóc sắc đẹp như: Chăm sóc da, trang điểm, làm móng, ngoài ra học viên có khả năng tham gia tư vấn, triển khai thực hiện làm chủ các tiệm spa vừa và nhỏ.

- Thực hiện được vai trò của làm đẹp với sự phát triển của xã hội, vai trò và đạo đức của người chuyên viên trong Kỹ thuật chăm sóc sắc đẹp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức

+ Trình bày được ý nghĩa, lịch sử phát triển của làm đẹp, tổng quan sự phát triển các phong cách làm đẹp trên thế giới.

+ Trình bày được vai trò của làm đẹp với sự phát triển của xã hội, vai trò và đạo đức của người chuyên viên trong Kỹ thuật chăm sóc sắc đẹp.

+ Phân tích và ứng dụng được mỹ phẩm trong làm đẹp, đảm bảo an toàn và hiệu quả;

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về trang điểm trang điểm cá nhân, trang điểm dạ hội, trang điểm ảnh cưới ...;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc các công cụ, máy móc ứng dụng trong làm đẹp.

+ Trình bày được các kiến thức về chăm sóc da, về trang điểm cá nhân để tôn vinh vẻ đẹp.

+ Trình bày và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong điều trị các bệnh lý về da vào trong quá trình thực hiện điều trị da.

+ Trình bày được cấu tạo và chức năng cơ thể, thư giãn chuyên sâu trong chăm sóc cơ thể.

+ Trình bày và vận dụng được kiến thức về chăm sóc móng, phối hợp thẩm mỹ móng vào trong cuộc sống.

+ Trình bày được ý nghĩa của y tế cộng đồng, khử trùng môi trường và sức khỏe môi trường, bảo tồn môi trường.

+ Trình bày các bước gội đầu dưỡng sinh

- Kỹ năng

+ Vận dụng được tiếng Hàn và tiếng Anh trong giao tiếp, đọc và phân tích được thành phần trên một số mỹ phẩm xuất xứ từ Hàn Quốc và các nước bằng tiếng anh.

+ Thực hiện được gội đầu dưỡng sinh, phân loại và thực hiện bấm được các huyệt đạo trên vùng đầu và mặt.

- + Thực hiện được chăm sóc da theo đúng tiêu chuẩn y khoa trong chăm sóc sắc đẹp;
- + Thành thạo các kỹ thuật trang điểm cơ bản đến nâng cao: tạo khối, highlight, kẻ mắt, gấn mí giả, kẻ chân mày, đánh nền bền đẹp, xử lý khuyết điểm, v.v.
- + Có khả năng tự lên ý tưởng và thực hiện các layout make up phù hợp với yêu cầu khách hàng hoặc bối cảnh.
- + Biết phối hợp trang điểm với kiểu tóc, trang phục và phụ kiện để tạo nên tổng thể hài hòa.
- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ và mỹ phẩm chuyên nghiệp.
- + Vận dụng kiến thức cơ bản các thao tác kỹ thuật về Tóc;
- + Thực hiện thành thạo các thao tác về tạo móng, chăm sóc móng và trang trí móng, đắp móng bột, nối móng, vẽ móng nghệ thuật.;
- + Thực hiện kiểm tra và nhận diện được các loại da và cấu tạo của da, từ đó đưa ra được các phương án tư vấn chăm sóc, điều trị các loại bệnh lý về da;
- + Thành thạo các kỹ thuật cắt tỉa, chăm sóc và làm sạch móng tay – chân đúng quy trình.
- + Có kỹ năng sơn móng cơ bản đến nâng cao: sơn thường, sơn gel, sơn loang, vẽ họa tiết, đính đá, phủ bột, đắp gel, đắp hoa, tạo hình 3D...
- + Biết phân tích bàn tay, móng tay để tư vấn kiểu dáng phù hợp với khách hàng.
- + Làm việc linh hoạt, nhanh nhạy trong xử lý các tình huống như móng yếu, gãy, hư tổn, nhiễm trùng nhẹ.
- + Biết sử dụng và bảo quản dụng cụ đúng cách, đảm bảo vệ sinh – an toàn tuyệt đối.

+ Có kỹ năng giao tiếp, tư vấn dịch vụ và chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp.

- Ý thức thái độ

- + Có ý thức nghiêm túc, cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình làm đẹp;
- + Có ý thức trách nhiệm cao với vai trò một nhân viên trong ngành làm đẹp;
- + Rèn luyện tính trung thực, thật thà trong quá trình học tập và lao động;
- + Có tính thần trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện chăm sóc khách hàng

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp nghề Chăm sóc sắc đẹp trình độ Trung cấp, học sinh làm được những vị trí:

- Kỹ thuật viên gội đầu dưỡng sinh; Kỹ thuật viên chăm sóc và điều trị da; Kỹ thuật viên Make up; Kỹ thuật viên chăm sóc móng tại các trung tâm chăm sóc sắc đẹp và Thẩm mỹ trong và ngoài nước;

- Chuyên viên tư vấn khách hàng làm đẹp;

- Ngoài ra khi được bổ sung kiến thức sư phạm, học viên có khả năng trở thành giáo viên dạy nghề chăm sóc sắc đẹp hoặc tham gia học liên thông lên các bậc cao hơn nhằm phát triển kiến thức kỹ năng nghề.

- Đủ điều kiện đi xuất khẩu lao động các nước

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 23
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 54 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1 145 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 441 giờ; Thực hành, thực tập 879 giờ; Thi và kiểm tra: 80 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Khả năng hiểu biết chính trị, pháp luật.
2	NLCB-02	Khả năng hiểu biết về quốc phòng, an ninh
3	NLCB-03	Rèn luyện TDTT nâng cao sức khỏe
4	NLCB-04	Tiếng Anh bậc 2/6
5	NLCB-05	Sử dụng tin học cơ bản
6	NLCB-06	Thuyết phục, đàm phán, thương lượng, tư duy và trình bày nội dung.
7	NLCB-07	Thực hiện sơ cứu cơ bản
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
8	NLCL-08	Biết được các nội dung cơ bản trong làm đẹp, nhận biết các dụng cụ, thiết bị trong nghề làm đẹp.
9	NLCL-09	Phân biệt sản phẩm, thành phần trên sản phẩm, đọc các thông số kỹ thuật bằng ngôn ngữ Anh. Sử dụng kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong chuyên môn nghề.
10	NLCL-10	Rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc và viết bằng tiếng Hàn, vận dụng ngôn ngữ Hàn để nhận biết và phân biệt được các thành phẩm trên mỹ phẩm.
11	NLCL-11	Nhận biết được các bộ phận trên cơ thể người, hiểu các bệnh liên quan đến da và các bộ phận khác trên cơ thể.
12	NLCL-12	Hiểu và phòng các bệnh truyền nhiễm, thực hiện cách sát khuẩn, tiệt trùng đúng quy trình, nhận biết được một số loại mỹ phẩm thật và giả trên thị trường hiện nay.
13	NLCL-13	Nhận biết các loại tóc, hiểu biết về hoá chất trong làm tóc...
14	NLCL-14	Thực hiện làm sạch móng, tạo được các dáng, form móng, thực hiện sơn và úp móng.
15	NLCL-15	Nhận biết và phân loại các loại da, sử dụng được máy soi da, biết cách chăm sóc da khoa học, lựa chọn và sử dụng các loại mặt nạ phù hợp với từng loại da.

16	NLCL-16	Thực hiện được các thao tác gội đầu, massage và bấm các huyệt đạo trên vùng đầu. Biết cách day, ấn, miết và massage đường cơ vai, vùng xương quai xanh và xoay khớp vai.
17	NLCL-17	Biết về lịch sử làm đẹp của phụ nữ Á đông, biết cách make up, phối hợp màu sắc trong trang điểm và trang điểm điểm.
18	NLCL-18	Thực hiện các giải pháp phù hợp đảm bảo môi trường, tái sử dụng năng lượng, vật tư đảm bảo vệ sinh môi trường.
19	NLCL-19	Rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng lao động, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với hội nhập quốc tế.
III	Năng lực nâng cao	
20	NLNC-20	Thiết kế và vẽ được các hoạ tiết trên móng; thực hiện đắp móng bột, gel; nối móng bằng form và bằng Tip
21	NLNC-21	Thực hiện kiểm tra hiện trạng các loại da như nám, mụn và đưa ra phác đồ điều trị cho từng bệnh lý về da, thực hiện được các thao tác peel, lăn kim cho từng loại da.
22	NLNC-22	Thực hiện make up các kiểu trên từng khuôn mặt; lựa chọn mỹ phẩm và thực hiện make up phù hợp theo mùa, theo lễ hội.
23	NLNC-23	Vận dụng kiến thức đã học và môi trường làm việc vào trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp.

6. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm Tra
I	Các môn học chung	11	255	94	146	15
251201MH	Tiếng anh cơ bản	3	90	30	56	4
251202MH	Tin học	2	45	15	28	2
251203MH	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
251204MH	Pháp luật	1	15	9	4	2
251205MH	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
251206MH	Giáo dục quốc phòng – An ninh	2	45	21	21	3
II	Các môn học, Môn học chuyên ngành	44	1145	347	733	65

II.1	Môn học, mô đun cơ sở	16	300	180	99	21
251207MH	An toàn lao động	1	15	10	4	1
251208MH	Kỹ năng mềm và hội nhập KTQT	1	15	10	3	2
251209MH	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	1	30	14	15	1
251210MH	Giới thiệu thẩm mỹ	2	30	28	0	2
251211MH	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	27	4
251212MH	Tiếng Hàn	3	60	26	30	4
251213MH	Dịch tễ học	2	30	28	0	2
251214MH	Giải phẫu sinh lý	2	30	28	0	2
251215MĐ	Kỹ thuật cơ bản về Tóc	2	45	22	20	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	28	845	167	634	44
251216MĐ	Chăm sóc móng cơ bản	3	75	18	51	6
251217MĐ	Vẽ móng nghệ thuật	3	90	29	55	6
251218MĐ	Chăm sóc da cơ bản	4	105	29	68	8
251219MĐ	Gội đầu dưỡng sinh	3	75	18	51	6
251220MĐ	Chăm sóc da nâng cao	3	75	21	48	6
251221MĐ	Make up cơ bản	3	75	21	48	6
251222MĐ	Make up nâng cao	3	75	21	48	6
251223MĐ	Thực tập tốt nghiệp	6	275	10	265	0
Tổng cộng		55	1400	441	879	80

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

7.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- Các mô-đun, môn học chuyên ngành có thể tổ chức đào tạo tại Doanh nghiệp nếu đáp ứng được yêu cầu của chương trình.

- Tổ chức lớp học:

+ Đào tạo theo niên chế được tổ chức theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun. Ngoài hai học kỳ chính, hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm kỳ học phụ

để người học có điều kiện được học lại, học bù. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun.

+ Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ: Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm nhưng đảm bảo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Một năm trường tổ chức từ 2 học kỳ chính và 1 học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

7.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường, kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học đã xác định trong chương trình đào tạo để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia sản xuất trực tiếp tại các phân xưởng, dây chuyền sản xuất, kho cấp phát nguyên liệu của các công ty, nhà máy;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp, cụ thể

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày.
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng, Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

7.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun:

7.4.1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a. Kiểm tra thường xuyên do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

b. Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

c. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học;

d. Giáo viên giảng dạy kiểm tra thường xuyên HSSV, số bài kiểm tra thường xuyên do giáo viên tổ chức kiểm tra theo bài, chương, tín chỉ nhưng tính trung bình kiểm tra thường xuyên và ghi vào bảng điểm là 1bài/một môn học, mô-đun; số bài kiểm tra định kỳ thực hiện theo chương trình đào tạo chi tiết của môn học, mô-đun đã được ban hành nhưng tối thiểu là 1 bài và tối đa là 4 bài kiểm tra/môn học, mô-đun. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

7.4.2. Thi kết thúc môn học, mô-đun

a. Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại trường, phân hiệu, địa điểm đào tạo của trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi;

b. Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun;

c. Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

d. Danh sách người học đủ hoặc không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do; danh sách địa điểm thi phải được giáo viên trực tiếp giảng dạy công bố công khai trước ngày thi ít nhất 03 ngày làm việc;

đ. Người học tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi;

e. Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

g. Thời gian làm bài thi đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian thi với các môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo hoặc thời gian thi trực tuyến do hiệu trưởng quyết định;

h. Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi bố trí ít nhất hai cán bộ coi thi và không bố trí quá 50 người dự thi; người dự thi phải được bố trí theo số báo danh. Đối với hình thức thi khác, hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi và các nội dung liên quan khác;

i. Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin. Hiệu trưởng quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

7.5. Hướng dẫn thi, xét và công nhận tốt nghiệp:

7.5.1. Điều kiện để thi, xét và công nhận tốt nghiệp theo phương thức đào tạo niên chế.

**** Điều kiện dự thi tốt nghiệp:***

- a. Điểm tổng kết môn học, mô-đun trong chương trình từ đạt trở lên;
- b. Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c. Còn số lần dự thi và trong quỹ thời gian được dự thi tốt nghiệp theo quy định;
- d. Người học không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp theo quy định tại điểm a khoản này, nếu còn quỹ thời gian để hoàn thành chương trình thì được hiệu trưởng xem xét, cho phép được hoàn thành các môn học, mô-đun chưa đạt và tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;
- đ. Người học không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp do bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;
- e. Người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho người học đó.

**** Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:***

- a. Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;
- b. Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c. Hoàn thành các điều kiện khác theo quy định của trường;
- d. Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo quy định.

7.5.2. Điều kiện để xét tốt nghiệp theo phương thức tích lũy mô-đun tín chỉ.

a. Khi người học tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo, hiệu trưởng thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho người học.

b. Người học được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ quy định của chương trình;
- Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình;
- Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường;
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.

c. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo quy định.